TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST Ngày: 17-01-2025 Về việc "Xin ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp.

Ông Đỗ Minh Lắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc "*Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ C, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ C, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Ông Trương Quốc T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 10 năm 2024, bà Lê Thị Mỹ C trình bày*:

Về hôn nhân: Vào năm 2013, được sự đồng ý của gia đình hai bên bà và ông Trương Quốc T tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nhưng trong quá trình chung sống vợ chồng không được hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, tôn trọng, nhường nhịn nhau mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng gay

gắt trầm trọng không thể hàn gắn được. Nay bà không còn tình cảm với ông Trương Quốc T, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Bà và ông Trương Quốc T có 01 người con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013. Con chung hiện đang do ông T trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn bà đồng ý giao con chung cho ông T trực tiếp nuôi và không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

** Tại phiên tòa ông Trương Quốc T trình bày*:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị Mỹ C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống vợ chồng không có cự cãi, đánh đập nhau. Tuy nhiên, sau khi ông bị tại nạn khi đi làm ở Bình Dương về nhà được khoảng 01 tháng thì bà C đã bỏ nhà đi cho đến nay khoảng 09 năm. Nay ông không còn tình cảm với bà C nên đồng ý ly hôn.

Về con nuôi con chung: Ông và bà Lê Thị Mỹ C có 01 người con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013 hiện đang do ông trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn ông yêu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu bà C cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị Mỹ C khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Trương Quốc T, địa chỉ cư trú: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 30/10/2024, bà Lê Thị Mỹ C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt đối với bà C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ C và ông Trương Quốc T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang nên hôn nhân giữa bà C và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Bà C xác định trong quá trình vợ chồng không hạnh phúc,

luôn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, không có tiếng nói chung, không có sự quan tâm, tôn trọng, nhường nhịn nhau mâu thuẫn kéo dài và ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn được. Ông Trương Quốc T xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có cự cãi mà do bà C tự ý bỏ nhà ra đi khoảng 09 năm nay, hiện ông T cũng không còn tình cảm với bà C nên đồng ý ly hôn. Từ đó, cho thấy thuẫn giữa bà C và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ C về việc xin ly hôn với ông Trương Quốc T.

Cho bà Lê Thị Mỹ C được ly hôn với ông Trương Quốc T (bà C và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 19/11/2014).

[2.2] Về nuôi con chung: Bà Lê Thị Mỹ C và ông Trương Quốc T có 01 người con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013 hiện đang do ông T trực tiếp nuôi. Bà C xác định sau khi ly hôn đồng ý giao con chung cho ông Trương Quốc T trực tiếp nuôi. Ông Trương Quốc T cũng đồng ý nuôi con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013. Đồng thời, từ khi bà C và ông T không chung sống với nhau thì con chung do ông T trực tiếp nuôi đã ổn định về mặt tâm, sinh lý và con chung vẫn phát triển bình thường. Do đó, tiếp tục giao con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013 cho ông Trương Quốc T trực tiếp nuôi là phù hợp.

Bà Lê Thị Mỹ C không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà C thực hiện quyền này nhưng bà C không được lạm dụng quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung để cản trở việc chăm sóc, giáo dục con chung của ông Trương Quốc T.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Trương Quốc T không yêu cầu nên không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03 tháng 10 năm 2024, bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006703 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm ông Trương Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Mỹ C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Mỹ C về việc xin ly hôn với ông Trương Quốc T.

Cho bà Lê Thị Mỹ C được ly hôn với ông Trương Quốc T (bà C và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 95 ngày 19/11/2014).

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trương Chí D, sinh năm 2013 cho ông Trương Quốc T trực tiếp nuôi.

Bà Lê Thị Mỹ C không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở bà C thực hiện quyền này nhưng bà C không được lạm dụng quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con chung để cản trở việc chăm sóc, giáo dục con chung của ông Trương Quốc T.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 đồng. Ngày 03 tháng 10 năm 2024, bà C đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006703 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu.

Bản án sơ thẩm ông Trương Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị Mỹ C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vân Khánh Tây, huyện An Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Nghi